

Thanh Hóa, ngày tháng 6 năm 2020

QUY CHẾ
BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ 2020 – 2025 TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓA

Điều 1. Mục tiêu

1. Đảm bảo tuân thủ luật pháp và các thông lệ tại Việt Nam;
2. Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông;
3. Đảm bảo tính tập trung, ổn định của Phiên họp Đại hội đồng cổ đông;

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và Đối tượng áp dụng

1. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa tại Hội đồng cổ đông được thực hiện tại quy chế này.
2. Quy chế này áp dụng đối với tất cả cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa hoặc những người được ủy quyền tham dự họp lệ.

Điều 3. Số lượng và tiêu chuẩn thành viên HĐQT

1. Số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ (2020 - 2025) là năm (05) thành viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
2. Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 (năm) năm, nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT và có thể được bầu lại với số lần không hạn chế.
3. Tiêu chuẩn của thành viên HĐQT: Thành viên được đề cử hoặc tự ứng cử vào Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm đảm bảo chức vụ quản lý điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
 - b. Cổ đông là cá nhân sở hữu hoặc người được ủy quyền đại diện sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc cổ đông sở hữu ít hơn 5% tổng số cổ phần, người không phải là cổ đông thì phải tốt nghiệp đại học trở lên, có năng lực kinh doanh và kinh nghiệm quản lý kinh doanh trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;
 - c. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực liêm khiết, có hiểu biết pháp luật; Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Bộ phận - Ty do - Phòng ban

Ngày tháng năm

QUY CHẾ

QUY CHẾ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN

Điều 1. Mục đích

1. Đảm bảo công tác quản lý và điều hành của Công ty đạt hiệu quả cao.

2. Tạo ra môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động và sáng tạo.

3. Tăng cường tinh thần đồng đội và trách nhiệm của nhân viên.

4. Đảm bảo tính minh bạch và công bằng trong mọi hoạt động kinh doanh.

5. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp tiên tiến và hiện đại.

6. Quy định rõ ràng các quyền và nghĩa vụ của nhân viên.

7. Bảo vệ lợi ích chính đáng của Công ty và nhân viên.

8. Tạo điều kiện thuận lợi cho nhân viên phát triển bản thân.

9. Đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững của Công ty.

10. Mọi chi tiết xin liên hệ Bộ phận Nhân sự.

11. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

12. Mọi sửa đổi, bổ sung quy chế phải được Ban Giám đốc phê duyệt.

13. Mọi thắc mắc xin liên hệ Bộ phận Nhân sự.

14. Quy chế này được áp dụng cho tất cả nhân viên.

15. Mọi chi tiết xin liên hệ Bộ phận Nhân sự.

16. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

17. Mọi sửa đổi, bổ sung quy chế phải được Ban Giám đốc phê duyệt.

18. Mọi thắc mắc xin liên hệ Bộ phận Nhân sự.

19. Quy chế này được áp dụng cho tất cả nhân viên.

20. Mọi chi tiết xin liên hệ Bộ phận Nhân sự.

d. Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) công ty khác, trừ trường hợp là thành viên Hội đồng quản trị của các công ty con, công ty liên kết của Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa;

e. Trường hợp thành viên HĐQT là người nước ngoài bao gồm cả cổ đông chiến lược nước ngoài, nhà đầu tư tài chính, người Việt Nam định cư ở nước ngoài không đồng thời là thành viên HĐQT của trên hai (02) doanh nghiệp tại Việt Nam và không được giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT.

Điều 4. Số lượng và tiêu chuẩn của thành viên Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ (2020-2025) là năm (03) thành viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2 Nhiệm kỳ của BKS là 05 (năm) năm; các thành viên BKS có thể được bầu lại với số lần không hạn chế.

3. Tiêu chuẩn của thành viên BKS:

a. Có tuổi đời từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

b. Có đạo đức nghề nghiệp;

c. Có trình độ từ Đại học trở lên;

d. Thành viên BKS không phải là người có liên quan với Người quản lý của Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa;

e. Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên công ty con của Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa; hoặc là nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc của Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa là thành viên hội đồng quản trị, người điều hành hoặc cổ đông lớn của doanh nghiệp đó;

f. Ban kiểm soát phải là người cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;

g. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty TNHH một thành viên cấp nước Thanh Hóa. Trưởng Ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán;

h. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực liêm khiết, có hiểu biết pháp luật;

Điều 5. Quyền đề cử, ứng cử làm thành viên HĐQT

1. Trước và trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất, các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết, có quyền gộp quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng cử viên HĐQT. Số ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề

1. **Introduction** (10%)
This report aims to provide a comprehensive overview of the current state of the global economy, focusing on the challenges and opportunities facing major economies in the early 2020s.

2. **Global Economic Outlook** (30%)
The global economy is currently experiencing a period of uncertainty, with the COVID-19 pandemic having led to a global recession. However, there are signs of a gradual recovery, particularly in emerging markets. The International Monetary Fund (IMF) projects a global growth rate of 4.4% in 2021, with a projected recovery to 5.9% by 2022.

3. **Key Economic Indicators** (20%)
Key indicators such as GDP, inflation, and unemployment rates are critical in assessing the health of an economy. In the US, the GDP growth rate is projected to be 4.2% in 2021, with inflation remaining low at 1.4%. The unemployment rate is expected to rise to 6.2% in 2021, before gradually declining to 5.2% by 2022.

4. **Challenges and Opportunities** (20%)
The global economy faces several challenges, including the impact of the COVID-19 pandemic, climate change, and the ongoing trade tensions between the US and China. However, there are also significant opportunities for growth, particularly in the technology and healthcare sectors.

5. **Conclusion** (10%)
The global economy is in a state of flux, with significant challenges and opportunities. A focus on innovation and investment in key sectors will be crucial for a sustainable and inclusive recovery.

6. **References** (10%)
IMF. (2020). *World Economic Outlook: Recovery and Resilience*. Washington, DC: International Monetary Fund.

7. **Appendix** (10%)
Appendix A: Global GDP Growth Rates (2019-2022)

Appendix B: US Economic Indicators (2019-2022)

Appendix C: Global Inflation Rates (2019-2022)

Appendix D: Global Unemployment Rates (2019-2022)

Appendix E: Global Trade Tensions (2019-2022)

Appendix F: Global Investment in Key Sectors (2019-2022)

Appendix G: Global Climate Change Impact (2019-2022)

Appendix H: Global Technology and Healthcare Sector Growth (2019-2022)

Appendix I: Global Economic Outlook (2021-2022)

Appendix J: Global Economic Outlook (2023-2024)

Appendix K: Global Economic Outlook (2025-2026)

Appendix L: Global Economic Outlook (2027-2028)

Appendix M: Global Economic Outlook (2029-2030)

cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm:

a. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên vào Hội đồng quản trị;

b. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 50% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên vào Hội đồng quản trị;

c. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ số ứng cử viên vào HĐQT.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do Chủ tọa hoặc cổ đông khác đề cử.

Điều 6. Quyền đề cử, ứng cử làm thành viên BKS

1. Trước và trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết, có quyền gộp quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng cử viên Ban kiểm soát. Số ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm:

a. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên vào Ban kiểm soát;

b. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 50% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên vào Ban kiểm soát;

c. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ số ứng cử viên vào Ban kiểm soát.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do Chủ tọa hoặc cổ đông khác đề cử.

Điều 7. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu thành viên HĐQT và BKS:

1. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu vào HĐQT và BKS bao gồm:

a. Đơn ứng cử hoặc Đơn đề cử ứng viên tham gia HĐQT hoặc BKS (theo mẫu);

b. Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai có dán ảnh (theo mẫu);

c. Bản sao CMTND, Hộ khẩu thường trú (hoặc Giấy đăng ký tạm trú dài hạn), Hộ chiếu nếu là Việt kiều, người nước ngoài và các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn.

d. Giấy ủy quyền hoặc biên bản họp nhóm (nếu ứng cử viên được nhóm ủy quyền ứng cử)

1. The first part of the paper is devoted to the study of the asymptotic behavior of the solutions of the system (1) as $t \rightarrow \infty$.

2. In the second part, we consider the problem of the stability of the equilibrium point of the system (1) with respect to the initial conditions.

3. The third part is devoted to the study of the asymptotic behavior of the solutions of the system (1) as $t \rightarrow \infty$ for the case of a non-linear system.

4. In the fourth part, we consider the problem of the stability of the equilibrium point of the system (1) with respect to the initial conditions for the case of a non-linear system.

5. The fifth part is devoted to the study of the asymptotic behavior of the solutions of the system (1) as $t \rightarrow \infty$ for the case of a non-linear system.

REFERENCES

1. A. M. Ljapunov, *Problème général de la stabilité du mouvement*, Ann. Chem. Phys. (5) 24 (1892) 375-413.

2. I. V. Krasovskij, *Stability of Motion in Dynamical Systems*, Moscow, 1959.

3. A. G. Krasovskij, *Stability of Motion in Dynamical Systems*, Moscow, 1959.

4. I. V. Krasovskij, *Stability of Motion in Dynamical Systems*, Moscow, 1959.

5. A. G. Krasovskij, *Stability of Motion in Dynamical Systems*, Moscow, 1959.

6. I. V. Krasovskij, *Stability of Motion in Dynamical Systems*, Moscow, 1959.

7. A. G. Krasovskij, *Stability of Motion in Dynamical Systems*, Moscow, 1959.

8. I. V. Krasovskij, *Stability of Motion in Dynamical Systems*, Moscow, 1959.

9. A. G. Krasovskij, *Stability of Motion in Dynamical Systems*, Moscow, 1959.

10. I. V. Krasovskij, *Stability of Motion in Dynamical Systems*, Moscow, 1959.

11. A. G. Krasovskij, *Stability of Motion in Dynamical Systems*, Moscow, 1959.

12. I. V. Krasovskij, *Stability of Motion in Dynamical Systems*, Moscow, 1959.

Điều 8. Lựa chọn các ứng cử viên:

Dựa trên các Đơn đề cử, ứng cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng cử viên, Ban tổ chức Đại hội cổ đông Công ty Cổ phần cấp nước Thanh Hóa sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện như quy định để bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Điều 9. Hình thức và phương thức bầu cử

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa sẽ được thực hiện theo hình thức trực tiếp, bỏ phiếu kín tại Đại hội theo phương thức bầu dồn phiếu;

2. Mỗi cổ đông có tổng số cổ phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 1.000 cổ phần, tổng số thành viên HĐQT nhiệm kỳ I là 05 thành viên và BKS là 03 thành viên.

Cổ đông A có tổng số phiếu bầu tương ứng cho thành viên HĐQT là: 5.000 phiếu cho 05 ứng cử viên HĐQT;

Cổ đông A có tổng số phiếu bầu tương ứng cho thành viên BKS là: 3.000 phiếu cho 03 ứng cử viên BKS.

3. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số quyền biểu quyết của mình cho một ứng cử viên hoặc phân chia tổng số phiếu của mình cho một số ứng cử viên.

4. Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của một cổ đông không vượt quá tổng số phiếu được phép bầu của cổ đông đó (Bằng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu).

Điều 10. Tổ chức và giám sát bầu cử

1. Ban Kiểm phiếu:

a. Việc tổ chức và giám sát bầu cử được Ban Kiểm phiếu thay mặt cho Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo các quy định tại Quy chế này;

b. Ban Kiểm phiếu có 03 thành viên, gồm 01 trưởng ban và 02 thành viên do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Thành viên Ban kiểm phiếu không được là người có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

2. Ban Kiểm phiếu phải đảm bảo tính chính trực, khách quan, bảo mật thông tin về việc kiểm phiếu và bầu cử.

3. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:

a. Kiểm tra và công bố danh sách các ứng cử viên HĐQT và BKS;

b. Phổ biến quy chế bầu cử và hướng dẫn cách thức bầu cử cho cổ đông;

c. Phát và thu phiếu bầu cử;

d. Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ, đại diện cổ đông;

Section 1. The first part of the report is devoted to a general description of the project and its objectives. It also includes a brief review of the literature on the subject.

Section 2. This section describes the methodology used in the study. It includes a detailed description of the data collection process and the statistical methods used for data analysis.

Section 3. This section presents the results of the study. It includes a detailed description of the findings and a discussion of their implications.

Section 4. This section discusses the limitations of the study and suggests directions for future research.

Section 5. This section provides a conclusion and summarizes the main findings of the study.

Section 6. This section includes a list of references and a list of figures and tables.

Section 7. This section includes a list of appendices.

Section 8. This section includes a list of abbreviations and a list of symbols.

Section 9. This section includes a list of acknowledgments.

e. Thực hiện kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả bầu cử trước Đại hội cổ đông;

f. Bàn giao lại Biên bản kiểm phiếu và toàn bộ phiếu bầu cử cho Thư ký đại hội;

g. Cùng chủ tọa Đại hội xem xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo về người ứng cử cũng như về kết quả bầu cử (nếu có) và báo cáo để Đại hội đồng cổ đông quyết định;

h. Ban kiểm phiếu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về việc tuân thủ Quy chế này và về tính chính xác của kết quả kiểm phiếu.

Điều 11. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

1. Phiếu bầu:

a. Phiếu bầu do Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa phát hành, được in thống nhất, có đóng dấu treo của Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa, có mã số cổ đông; tổng số cổ phần sở hữu/đại diện, tổng số quyền biểu quyết;

b. Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát đồng thời 01 phiếu bầu HDQT và 01 phiếu bầu BKS theo mã số tham dự (sở hữu và được ủy quyền);

c. Cổ đông hoặc đại diện cổ đông khi được phát phiếu bầu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót cổ đông phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu để đổi phiếu bầu khác;

2. Cách ghi phiếu bầu:

a. Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông, đồng ý bầu cho ứng cử viên nào thì viết số phiếu muốn bầu vào cột "Số phiếu bầu" tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó;

b. Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông, nếu không đồng ý bầu cho ứng cử viên nào thì viết số "0" hoặc gạch chéo vào cột "Số phiếu bầu" tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó;

c. Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp có thể dồn phiếu bầu cho một hoặc một số ứng cử viên, bầu cho tất cả số ứng cử viên hoặc không bầu cho ứng cử viên nào;

d. Tổng số phiếu bầu cho ứng cử viên của một cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông không được vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông đó (Bằng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu).

3. Phiếu hợp lệ khi đủ các điều kiện sau đây:

a. Phiếu bầu cho ứng cử viên có tên trong danh sách và trong phạm vi số lượng thành viên cần bầu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Tổng số lượng phiếu bầu nhỏ hơn hoặc bằng tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó (Bằng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu);

c. Không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 4 điều này.

1. Thời gian nghiên cứu: Từ năm 2018 đến nay, nghiên cứu đã được thực hiện và công bố kết quả nghiên cứu trên tạp chí chuyên ngành.

2. Mục tiêu của nghiên cứu: Nhằm phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài sản công.

3. Phạm vi nghiên cứu: Nghiên cứu được thực hiện tại các cơ quan, đơn vị thuộc hệ thống hành chính công.

4. Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu được thực hiện bằng phương pháp phân tích tài liệu, phỏng vấn chuyên gia và phương pháp chuyên gia.

1.1. Tổng quan về tài sản công

1.1.1. Khái niệm

Tài sản công là những tài sản thuộc sở hữu của Nhà nước, được hình thành và quản lý theo quy định của pháp luật. Tài sản công bao gồm: tài sản cố định, tài sản lưu động, tài sản vô hình.

Tài sản công được phân loại theo nhiều tiêu chí khác nhau, trong đó có thể phân loại theo hình thức sở hữu, theo ngành, theo địa điểm, theo chức năng.

Trong nghiên cứu này, tác giả tập trung phân tích thực trạng quản lý tài sản công thuộc sở hữu của Nhà nước, bao gồm: tài sản cố định, tài sản lưu động, tài sản vô hình.

1.1.2. Vai trò

Tài sản công đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, là nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao, khoa học và công nghệ.

Việc quản lý tài sản công hiệu quả sẽ góp phần nâng cao hiệu suất sử dụng tài sản công, giảm thiểu lãng phí, tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.

Trong nghiên cứu này, tác giả tập trung phân tích thực trạng quản lý tài sản công thuộc sở hữu của Nhà nước, bao gồm: tài sản cố định, tài sản lưu động, tài sản vô hình.

Nghiên cứu này có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài sản công, góp phần nâng cao hiệu suất sử dụng tài sản công, giảm thiểu lãng phí, tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.

1.1.3. Cơ sở lý luận

Nghiên cứu này dựa trên cơ sở lý luận về quản lý tài sản công, bao gồm: lý luận về quản lý tài sản công, lý luận về quản lý tài sản công thuộc sở hữu của Nhà nước.

Nghiên cứu này có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài sản công, góp phần nâng cao hiệu suất sử dụng tài sản công, giảm thiểu lãng phí, tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.

1.1.4. Phạm vi nghiên cứu

4. Phiếu bầu không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Phiếu không do Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa phát hành hoặc không có dấu của Công ty;

b. Phiếu gạch xóa, sửa chữa; bổ sung các nội dung không theo quy định (Trường hợp viết sai thì đổi lại phiếu khác);

c. Phiếu có ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;

d. Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó (bao gồm quyền sở hữu và được ủy quyền);

e. Phiếu không ký tên và ghi rõ họ tên của cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông;

f. Phiếu không ghi số lượng phiếu bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào.

Điều 12. Bỏ phiếu và kiểm phiếu

1. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu vào thùng phiếu;

2. Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;

3. Các cổ đông chỉ được bỏ phiếu vào hòm phiếu đã được niêm phong do Ban kiểm phiếu giám sát;

4. Việc kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu tiến hành tại phòng bỏ phiếu ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc; Trước khi mở thùng phiếu, Ban kiểm phiếu phải thống kê, lập biên bản và niêm phong số phiếu không sử dụng. Ban kiểm phiếu không được gạch xóa, sửa chữa trên phiếu bầu.

Điều 13. Nguyên tắc xác định kết quả bầu cử

1. Đối với thành viên HĐQT: Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên mà Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết.

2. Đối với thành viên BKS: Người trúng cử thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên mà Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết.

3. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên có số phiếu bầu bằng nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát, thì người nào sở hữu hoặc đại diện sở hữu nhiều cổ phần hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu cũng ngang nhau hoặc tất cả các ứng cử viên đó không phải là cổ đông của Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa thì sẽ tổ chức bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau để chọn.

1. Phân tích tình hình kinh tế - xã hội của nước ta trong những năm gần đây.

2. Phân tích tình hình kinh tế - xã hội của nước ta trong những năm gần đây.

3. Phân tích tình hình kinh tế - xã hội của nước ta trong những năm gần đây.

4. Phân tích tình hình kinh tế - xã hội của nước ta trong những năm gần đây.

5. Phân tích tình hình kinh tế - xã hội của nước ta trong những năm gần đây.

6. Phân tích tình hình kinh tế - xã hội của nước ta trong những năm gần đây.

7. Phân tích tình hình kinh tế - xã hội của nước ta trong những năm gần đây.

8. Phân tích tình hình kinh tế - xã hội của nước ta trong những năm gần đây.

9. Phân tích tình hình kinh tế - xã hội của nước ta trong những năm gần đây.

10. Phân tích tình hình kinh tế - xã hội của nước ta trong những năm gần đây.

11. Phân tích tình hình kinh tế - xã hội của nước ta trong những năm gần đây.

12. Phân tích tình hình kinh tế - xã hội của nước ta trong những năm gần đây.

4. Nếu bầu cử không đủ số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì Đại hội sẽ tiến hành bầu cử tiếp lần 2 trong số những ứng cử viên còn lại.

5. Nếu sau khi bầu lần 2 vẫn chưa đủ thì Đại hội sẽ biểu quyết bầu lại lần 3 hoặc đề khuyết thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và bầu bổ sung trong kỳ họp Đại hội tiếp theo theo quyết định của Chủ tọa Đại hội.

Điều 14. Lập và công bố biên bản kiểm phiếu

1. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu.

2. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung sau đây:

a. Thời gian, địa điểm lập Biên bản kiểm phiếu;

b. Thành phần ban kiểm phiếu;

c. Mục đích, nội dung bỏ phiếu;

d. Tổng số cổ đông có mặt và đại diện được ủy quyền bầu cử tại Đại hội; tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo danh sách cổ đông tham gia bầu cử;

e. Kết quả bầu cử;

f. Chữ ký của thành viên Ban kiểm phiếu;

3. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội và được ghi nhận vào Nghị quyết của Đại hội.

Điều 15. Quyền chất vấn

Các cổ đông hoặc đại diện cổ đông có quyền chất vấn, khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu. Chủ tọa Đại hội, Ban kiểm phiếu có trách nhiệm giải trình và làm rõ các chất vấn của cổ đông và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông.

Điều 16. Hiệu lực của Quy chế

1. Quy chế này được áp dụng cho việc đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên HĐQT, BKS tại Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ thứ II (2020-2025) của Công ty Cổ phần cấp nước Thanh Hóa;

2. Cổ đông, nhóm cổ đông, ứng viên HĐQT, BKS có trách nhiệm thực hiện theo Quy chế này;

3. Quy chế này có hiệu lực sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và chỉ áp dụng cho việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cho nhiệm kỳ (2020-2025)

(Kèm theo: Phụ lục hướng dẫn bầu thành viên HĐQT, BKS)

CHỦ TỊCH CÔNG TY



CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Ngọc Cần

1. Tên của công ty: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Việt Nam

2. Địa chỉ: Số 123 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Ngày lập: 15/05/2024

4. Mục đích: Để xác định các khoản nợ và tài sản của công ty

5. Thời hạn: 01 năm kể từ ngày lập

6. Đơn vị lập: Ban Giám đốc Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Việt Nam

7. Người lập: Ông Nguyễn Văn A, Giám đốc Công ty

8. Chức vụ: Giám đốc Công ty

9. Ngày lập: 15/05/2024

10. Địa chỉ: Số 123 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

11. Mục đích: Để xác định các khoản nợ và tài sản của công ty

12. Thời hạn: 01 năm kể từ ngày lập

13. Đơn vị lập: Ban Giám đốc Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Việt Nam

14. Người lập: Ông Nguyễn Văn A, Giám đốc Công ty

15. Chức vụ: Giám đốc Công ty

16. Ngày lập: 15/05/2024

17. Địa chỉ: Số 123 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh



Ông Nguyễn Văn A
Giám đốc Công ty

PHỤ LỤC 1
HƯỚNG DẪN BẦU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ 2020-2025 THEO PHƯƠNG THỨC ĐÓN PHIẾU
(Ban hành kèm theo Quy chế bầu cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020 -2025 của Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa)

1. Loại phiếu bầu:

- Phiếu màu Hồng: bầu thành viên Hội đồng quản trị
- Phiếu màu Xanh: bầu thành viên Ban kiểm soát

2. Bỏ phiếu:

- Phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát được bỏ vào thùng phiếu niêm phong.

3. Ghi phiếu bầu:

- Mỗi phiếu bầu có ghi tên các ứng cử viên để bầu vào HĐQT (đối với phiếu bầu HĐQT) hoặc BKS (đối với phiếu bầu BKS). Cổ đông dùng số phiếu bầu của mình ghi vào ô chọn cho người mà mình tin nhiệm cạnh danh sách tên của từng ứng cử viên và bỏ phiếu bầu vào Thùng phiếu. Trong trường hợp viết sai, cổ đông/đại diện cổ đông không được tẩy xóa mà phải yêu cầu Ban kiểm phiếu đổi lại phiếu khác.

- Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát. Cổ đông có thể chia tổng số phiếu bầu cho tất cả các ứng viên, hoặc dồn toàn bộ phiếu bầu cho một hoặc một số ứng cử viên nhưng tổng cộng số phiếu bầu cho các ứng cử viên không được vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông.

Ví dụ 1: Cổ đông A có 1000 cổ phần, số ứng cử viên được bầu vào Hội đồng quản trị là 05, như vậy số phiếu bầu của cổ đông A là:

$$1.000 \text{ cổ phần} \times 5 = 5.000 \text{ Phiếu bầu.}$$

Cổ đông Nguyễn Văn A có thể bầu dồn phiếu theo phương thức sau:

Trường hợp 1: Cổ đông A dồn hết 5.000 phiếu bầu của mình cho 1 ứng cử viên HĐQT

Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu
1. Ứng viên 1	0
2. Ứng viên 2	5.000
3. Ứng viên 3	0
4. Ứng viên 4	0
5. Ứng viên 5	0
Tổng số phiếu bầu	5.000

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VÀ HẠNG NGHIỆP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VÀ HẠNG NGHIỆP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VÀ HẠNG NGHIỆP

1. Các nội dung:

- Các nội dung khác liên quan đến nội dung trên
- Các nội dung khác liên quan đến nội dung trên

2. Các nội dung:

- Các nội dung khác liên quan đến nội dung trên

3. Các nội dung khác:

Trong quá trình nghiên cứu và phát triển, các nhà nghiên cứu đã phát hiện ra rằng việc sử dụng các công nghệ mới có thể giúp cải thiện hiệu suất và giảm chi phí sản xuất. Điều này đã dẫn đến sự ra đời của các sản phẩm mới và các quy trình sản xuất tiên tiến.

Việc áp dụng các công nghệ mới cũng đòi hỏi các nhà nghiên cứu phải có kiến thức chuyên sâu và kỹ năng phân tích. Điều này đã dẫn đến sự ra đời của các chương trình đào tạo và các khóa học chuyên nghiệp để trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết cho các nhà nghiên cứu và kỹ sư.

Trong tương lai, việc nghiên cứu và phát triển các công nghệ mới sẽ tiếp tục là một lĩnh vực quan trọng và đầy thách thức. Điều này đòi hỏi sự hợp tác và chia sẻ kiến thức giữa các quốc gia và các tổ chức nghiên cứu.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VÀ HẠNG NGHIỆP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VÀ HẠNG NGHIỆP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VÀ HẠNG NGHIỆP

STT	Nội dung	Đơn vị
1
2
3

STT	Nội dung	Đơn vị
1
2